

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 184/TTr-STNMT, ngày 17 tháng 4 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 24 thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường/ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính được sửa đổi lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai/ Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Bình Dương.

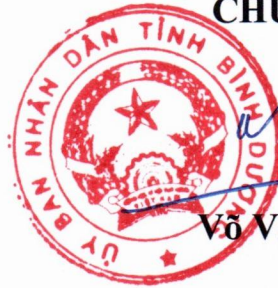
(Chi tiết tại Phần 1 - Danh mục thủ tục hành chính)



Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTTC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, NC, KT, HCC;
- Lưu: VT, H^{KSTT}



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ
MÔI TRƯỜNG/ CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1215/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

PHẦN 1 - DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện		Trang
			Cấp tỉnh ¹	Cấp huyện ²	
1	1.004269	Cung cấp dữ liệu đất đai	x	x	1
2	1.005398	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	x	x	5
3	2.001938	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	x	x	22
4	1.004238	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	x	x	36
5	1.004227	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	x	x	44
6	1.004221	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp	x	x	56

¹ Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Quản lý đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai)

² Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai.

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện		Trang
		Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề			
7	1.004203	Tách thửa hoặc hợp thửa đất	x	x	66
8	1.004199	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	x	x	80
9	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	x	x	91
10	1.011616	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	x	x	98
11	2.000983	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	x	x	130
12	1.002255	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	x	x	149
13	2.000976	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	x	x	168
14	1.002273	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở và trong các dự án kinh doanh bất động sản không phải dự án phát triển nhà ở	x		188

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện		Trang
15	1.002993	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	x	x	202
16	2.000889	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận	x	x	214
17	1.001991	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	x	x	235
18	2.000880	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với	x	x	247



STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện		Trang
		trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp			
19	1.001045	Đăng ký chuyên mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	x	x	260
20	1.011982	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện “đòn điền đổi thửa” (đồng loạt)		x	271
21	1.004206	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu		x	280
22	1.005194	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	x	x	290
23	1.001009	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	x		302
24	1.004177	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện	x	x	308